

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/DS-PT

Ngày 28/11/2018

*V/v Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước
qua bất động sản liền kề*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Phạm Thị Minh Hiền

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 11 và ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 02/08/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST-DS ngày 13/10/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐ-PT ngày 05/11/2018 giữa các đương sự:

-Đồng nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đường: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949 (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/8/2015, bà T có mặt).

2. Anh Giáp Văn M, sinh năm 1970 (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt).
4. Anh Tăng Văn N, sinh năm 1975 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

5. Ông Tăng Văn C, sinh năm 1956 (có mặt)

6. Ông Tăng Văn T, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Bá N - Luật sư thuộc Công ty Luật số 1 Bắc Giang, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng trú tại: Ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Y: Bà Phòng Thị N, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y - đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 814/UBND-NC ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y, bà N vắng mặt).

6. UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện hợp pháp của UBND thành phố B: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B là đại diện theo ủy quyền (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 2406/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B, ông H vắng mặt).

7. Anh Tăng Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

8. UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện hợp pháp của UBND xã T: Bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Cán bộ địa chính xã là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND xã T, bà T xử vắng mặt).

9. Bà Tăng Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

10. Chị Trần Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Anh Tăng Văn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn M, chức vụ: Trưởng thôn V (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Trần Thanh H, chức vụ: Nguyên cán bộ địa chính xã T

Địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Khắc Đ, chức vụ: Nguyên trưởng thôn V

Địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Tiến M, chức vụ: Nguyên trưởng thôn V

Địa chỉ: thôn Văn G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, các đồng nguyên đơn trình bày:

Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Q phải trả lại phần diện tích rãnh thoát nước chung của ngõ với chiều dài khoảng 30m, chiều rộng là 30cm, tổng diện tích là khoảng 09m². Điểm bắt đầu của rãnh thoát nước là cổng nhà ông Q (nhìn ra ngõ C) sau đó chạy dọc hết phần đất nhà ông Q giáp với đất nhà ông Nguyễn Văn T (nay là ông Tăng Văn T) và điểm kết thúc là ao của nhà bà H.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng rãnh thoát nước:

Ngõ C từ tiền cổ là ngõ đất, rộng khoảng 02m và thấp hơn so với mặt đê là 1,2m, chiều dài khoảng 60m đến 70m.

Rãnh thoát nước mà các ông khởi kiện là rãnh thoát nước chung của cả ngõ có từ trước năm 1945 do ông cha của các ông và cụ Nguyễn Văn K (bố đẻ của ông Q) làm nên để thoát nước chung của cả ngõ. Rãnh thoát nước này chạy dọc theo ngõ, có chiều rộng khoảng 30cm, kéo dài khoảng 50m thì rãnh chảy ngoặt qua bên trái ngõ sau đó chạy dài khoảng 20m nữa thì chảy thẳng xuống ao của nhà cụ K.

Năm 1962, các hộ dân tham gia hợp tác xã nên ao, ruộng, trâu bò của tất cả các hộ dân đều sáp nhập vào hợp tác xã trong đó có ao của nhà cụ K.

Năm 1968, thôn V bị vỡ đê nên các hộ dân trong ngõ thống nhất tự đóng góp để tân bề mặt ngõ lên cao để tránh ngập. Thời gian này các ông vẫn chở thuyền đi lại trong xóm, đi qua ao của nhà cụ K (khi đó đã chuyển thành ao hợp tác xã) để đi ra đồng cày cấy.

Từ năm 1985 đến năm 1987, nhà cụ K xây lò làm gạch, cụ K không muốn để nước thải của ngõ chảy qua lò gạch của nhà mình nên đã thay đổi đường chảy của rãnh nước đi qua lò gạch rồi mới xuống ao của hợp tác xã.

Năm 2013, ông T có xây tường bao quanh diện tích đất của nhà cụ K (ông T cũng là con trai cụ K). Tuy nhiên vẫn chừa lại một phần đất để ngõ làm đường thoát nước. Sau đó ông Q đã tự ý chặn phần đầu cuối của rãnh thoát nước chung của ngõ. Hiện nay, các hộ dân trong ngõ C không có lối thoát nước thải vì ông Q không cho làm đường nước chảy qua đồng thời diện tích ao sau nhà ông Q đã bị ông Q san đất vào lấp đi làm thành vườn.

- Xác nhận của đại diện chính quyền và người dân sinh sống tại địa phương:

Việc các đồng nguyên đơn trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng rãnh thoát nước tại ngõ C được đại diện chính quyền và bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ của ông Nguyễn Ngọc Q xác nhận tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/8/2015 (bút lục số 115).

- Thực trạng thoát nước thải tại thôn V:

Thôn V có tổng số 08 ngõ đều nằm ở vị trí tự nhiên giống như ngõ C (đầu ngõ là mặt đê bao, cuối ngõ là ao). Hiện nay 07 ngõ còn lại vẫn tồn tại ngõ đi chung và rãnh thoát nước thải chung bên cạnh ngõ kéo dài từ đầu ngõ đến ao ở vị trí cuối ngõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đồng nguyên đơn trình bày:

- Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước phiên tòa sơ thẩm, vì các đồng nguyên đơn không hiểu rõ về các quy định của pháp luật nên đã yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải trả lại diện tích rãnh thoát nước thải của ngõ với chiều rộng là 30cm, chiều dài 30m, bắt đầu từ cổng nhà ông Q, chạy dọc theo phần giáp ranh giữa thửa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên anh Tăng Văn T và điểm cuối là ao của bà Tăng Thị H. Nay các đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc ông Q phải mở lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ với diện tích, chiều dài, chiều rộng, điểm đầu và điểm cuối như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Tại ngõ C hiện nay rãnh thoát nước chung của ngõ là nơi phục vụ nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa. Ngõ C hiện nay có 06 hộ dân sinh sống và thoát nước qua hệ thống rãnh thoát nước chung gồm:

- +Gia đình ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có 06 nhân khẩu;
- +Gia đình ông Tăng Văn T có 08 nhân khẩu;
- +Gia đình ông Tăng Văn C có 06 nhân khẩu;
- +Gia đình anh Tăng Văn N có 05 nhân khẩu;
- +Gia đình anh Giáp Văn M có 04 nhân khẩu;
- +Gia đình anh Q (đầu ngõ) có 04 nhân khẩu.

Tổng cộng ngõ C có 33 nhân khẩu đang sinh sống.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc buộc ông phải trả lại diện tích rãnh thoát nước. Ông và gia đình cũng không đồng ý cho rãnh thoát nước của ngõ chảy qua đất nhà ông. Các đồng nguyên đơn muốn thoát nước thải thì làm đường thoát ngược lên đê. Diện tích ao liền kề với đất ở của gia đình ông hiện tại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có nguồn gốc là do ông đổi ruộng cho thôn mà có.

Căn cứ chứng minh: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 do UBND huyện Y cấp đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Q.

Quá trình sinh sống tại ngõ C: Năm 1978, thực hiện Nghị quyết 231, ông và gia đình chuyển từ đất nhà ông Thi L về đất của tổ tiên tại xóm C, thôn V, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang sinh sống. Ông khẳng định từ đó đến nay ở xóm C có sự tồn tại của ngõ đi chung, dài khoảng 65m - 70m kéo dài từ mặt đê đến cổng nhà ông. Ông khẳng định từ xa xưa đến nay, trong ngõ C không có đường ngõ nào cũng như đường rãnh thoát nước nào đi từ đê ra ruộng của thôn và cũng không có rãnh thoát nước nào chảy qua đất nhà ông, ông không tranh chấp với ai. Mà chỉ có ngõ đi chung chạy dài đến cổng nhà ông, bên cạnh ngõ có một rãnh thoát nước chạy dọc đến cổng nhà ông và đổ xuống phần đất vườn trũng của nhà cụ K (bố đẻ ông) sau này được cụ K cho ông T.

Năm 1982, ông và ông Nguyễn Văn T (là em trai của ông) ở tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 12 cạnh đất nhà ông có xây lò gạch chung ở vị trí ngay đầu tường của nhà ông. Thời điểm đó rãnh thoát nước của ngõ vẫn chảy xuống đất vườn nhà ông T. Năm 2011, ông Nguyễn Văn T xây tường bao quanh thửa đất 98 làm đắp lấp dòng chảy mà trước đây bố ông là cụ Nguyễn Văn Kiểm đã để cho hàng xóm chảy nhờ từ năm 1968 và năm 2014, ông T và một số hộ dân khác trong ngõ khởi kiện ông.

Trước khi các đồng nguyên đơn khởi kiện ông ra Toà án, thôn và xã đã nhiều lần gọi các bên lên hoà giải. Ông đã từng yêu cầu các hộ dân trong ngõ làm văn bản cho nước chảy nhờ qua đất nhà ông thì ông đồng ý cho chảy nhờ nhưng các hộ dân không nghe.

Theo văn bản ngày 22/9/2017, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L trình bày:

Việc các hộ dân trong ngõ C khởi kiện gia đình bà và các anh chị là sai. Nay gia đình không đồng ý cho các hộ dân đặt đường ống thoát nước qua đất của gia đình và cũng không đồng ý bán đất cho các hộ dân làm rãnh thoát nước.

Căn cứ chứng minh: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 do UBND huyện Y cấp đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc Q.

Quá trình sinh sống tại ngõ C: Từ khi bà và gia đình chuyển về ngõ C sinh sống theo Chỉ thị 231 năm 1978 đến nay đều không có rãnh thoát nước nào chảy qua đất của gia đình.

Theo Công văn số 58/VPĐK-GCN ngày 25/9/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y) trình bày:

Năm 2010, khi xã T sáp nhập về thành phố B, UBND huyện Y đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng (nay là Chi nhánh Văn phòng) đăng ký đất đai huyện Y bàn giao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến lĩnh vực đất đai tại xã T cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. Ngày 29/12/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y bàn giao hồ sơ, tài liệu cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. Đến nay hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Ngọc Q tại thửa số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Theo Biên bản làm việc ngày 02/4/2018, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 02/4/2018 và Biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2018; bà Phòng Thị N đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Y trình bày:

Bà được Chủ tịch UBND huyện Y ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án theo văn bản ủy quyền số 814/UBND-NC ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y.

Năm 2010, khi xã T sáp nhập về thành phố B, UBND huyện Y đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng (nay là Chi nhánh Văn phòng) đăng ký đất đai huyện Y bàn giao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến lĩnh vực đất đai tại xã T cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. Ngày 29/12/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến lĩnh vực đất đai tại xã T cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có lập biên bản bàn giao. Tuy nhiên, do quá trình lưu trữ đã lâu, cán bộ được phân công thực hiện việc lưu trữ đã luân chuyển công tác nhiều lần nên hiện nay biên bản bàn giao này đã bị thất lạc.

Từ lý do nêu trên, UBND huyện Y không có cơ sở để thể hiện quan điểm cụ thể về vụ việc cũng như không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố B theo yêu cầu. Do điều kiện công việc, bà N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà tại tất cả các phiên hòa giải, phiên tòa và thông báo cho bà kết quả.

Theo Văn bản thể hiện quan điểm ngày 21/7/2017 và Đơn đề nghị ngày 09/11/2017, ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B trình bày:

Ông được Chủ tịch UBND thành phố B ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án theo Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 13/6/2017.

Sau khi nhận được Công văn số 599/TA ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, ngày 21/7/2017, phòng Tài nguyên và Môi trường đã làm việc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để thu thập hồ sơ, thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Ngọc Q. Tại buổi làm việc, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cho biết: Do thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 là thời điểm xã T thuộc địa giới hành chính huyện Y. Sau khi sáp nhập về thành phố B, năm 2011 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã T được bàn giao về Văn phòng đăng ký đất đai thành phố (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố) lưu trữ. Tuy nhiên, sau khi tra cứu, toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12 thuộc xã T hiện không được lưu trữ tại đơn vị.

Từ lý do nêu trên, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B không có cơ sở để thể hiện quan điểm cụ thể về vụ việc, cũng như không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố B theo yêu cầu.

Do bận công việc, ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt ông trong tất cả các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm của vụ án này theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tăng Văn T trình bày:

Năm 2015, bố anh là ông Tăng Văn T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T 02 thửa đất gồm: thửa đất số 98 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau đó bố anh đã làm thủ tục sang tên bìa đỏ và để anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của hai thửa đất này. Anh hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bố anh cũng như các đồng nguyên đơn khác về việc buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải trả lại phần diện tích rãnh thoát nước chung của ngõ. Ngoài ra anh không có yêu cầu hay ý kiến nào khác. Do điều kiện công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm của vụ án.

Theo Văn bản thể hiện quan điểm ngày 27/12/2017, bà Nguyễn Thị T đại diện theo ủy quyền của UBND xã T trình bày:

Bà được Chủ tịch UBND xã T ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án theo Giấy ủy quyền ngày 26/12/2017.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2001: Thửa đất này trước đây do thôn cho các hộ ông Tăng Văn Đ (vợ là Trần Thị N) và hộ ông Tăng Văn H đầu thầu nộp sản hàng năm. Đến năm 2004, để lấy tiền xây dựng công trình phúc lợi của thôn, thôn đã bán thửa đất nêu trên cho hộ ông Tăng Văn Đ và hộ bà Tăng Thị H (chị gái ông H) theo Biên bản bàn giao ao ngày 25/9/2004.

Về việc thoát nước thải: Nước thải của các hộ gia đình tại ngõ C gồm 09 hộ hiện nay vẫn chảy xuống thửa đất số 59 để thoát ra từ trước đến nay. Hiện nay các hộ dân ở ngõ C gồm: hộ ông Đ, ông M, ông C, ông N, ông T do nước thải không có chỗ thoát nên cũng chảy xuống thửa đất số 59. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Do điều kiện công việc bận nên bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà tại các phiên tòa sơ thẩm của vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị H trình bày:

Gia đình bà được quản lý, sử dụng diện tích ao 637 m² tại thửa số 59, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang thông qua việc mua bán ao với thôn năm 2004. Những người trực tiếp tham gia vào việc bán diện tích ao trên cho gia đình bà khi đó gồm có:

- Đại diện chính quyền thôn:
- + Ông Nguyễn Khắc Đ, Trưởng thôn V.
- + Ông Trần Xuân C, Trưởng ban mặt trận thôn V.
- + Ông Nguyễn Văn T, Bí thư thôn V.

+ Ông Nguyễn Văn D, Kế toán thôn V.

- Đại diện chính quyền xã: Ông Đỗ Quang M, Phó chủ tịch UBND xã T.

Thời hạn mua bán diện tích ao trên là lâu dài. Trước khi mua bán ao là có cuộc họp dân của thôn tổ chức, trong cuộc họp dân chính quyền thôn thông báo chính sách bán ao mục đích là để lấy tiền xây dựng nhà trẻ của thôn. Chính sách của thôn là ưu tiên các hộ có đất liền kề ao nào thì được ưu tiên mua diện tích ao đó. Giá mua bán thôn quy định chung là 5.000.000 đồng/1 sào. Gia đình bà nhất trí với chính sách của thôn và đã mua diện tích ao như bây giờ. Gia đình bà khi đó có em gái bà là Tăng Thị H, bà (Tăng Thị H), em trai bà là Tăng Văn Đ, em dâu bà là Trần Thị N và mẹ bà là Tăng Thị T. Khi làm thủ tục mua bán ao với thôn thì em gái bà là Tăng Thị H và em dâu là Trần Thị N đứng ra làm thủ tục mua bán ao với thôn.

Để mua diện tích ao trên của thôn thì em gái bà là Tăng Thị H là người trực tiếp bỏ tiền ra để nộp cho thôn.

Thời gian đầu khi mới mua ao thì ba chị em cùng chung để thả cá. Đến khoảng năm 2006 thì bà Học đi làm xa và không còn sử dụng diện tích ao này nữa. Đến năm 2008 bà cũng đi làm ăn xa nên diện tích ao này chỉ còn vợ chồng anh Tăng Văn Đ và chị Trần Thị N quản lý sử dụng.

Lịch sử từ trước đến nay thì thôn V có 7 ngõ, các ngõ đều có hệ thống thoát nước thải về ao ở cuối ngõ. Ngõ nhà bà cũng thoát nước thải xuống ao từ đó đến nay. Sau khi gia đình bà mua diện tích ao nói trên thì nước thải của ngõ vẫn thoát xuống ao này bình thường. Sau khi nước thải chảy xuống ao ở cuối ngõ khi trời mưa to mới chảy ra ruộng rồi mới chảy ra mương của thôn, nếu trời không mưa to thì nước thải vẫn đọng ở ao. Cũng có một số ao thì nằm liền kề mương và không phải chảy qua ruộng nữa.

Hiện nay, diện tích ao của gia đình bà đang bị ô nhiễm nặng do nước và chất thải của các hộ dân trong ngõ C - nơi bà sinh sống xả trực tiếp xuống ao. Bản thân bà đang phải điều trị bệnh ung thư có một phần nguyên nhân từ sự ô nhiễm này. Thời gian đầu khi làm việc với Tòa án, bà không đồng ý cho các hộ dân ở ngõ C thoát nước thải xuống ao của gia đình mà cho rằng nếu họ muốn thoát nước thải thì phải thoát ra hệ thống ao đàng sau nhà ông Q. Tuy nhiên, do hiện nay diện tích ao đàng sau nhà ông Q đã bị ông Q tự ý san lấp đất làm vườn nên vì tình làng, nghĩa xóm bà đồng ý cho các hộ dân ngõ C thoát nước thải xuống diện tích ao của gia đình với điều kiện việc xả thải phải thông qua hệ thống cống, rãnh kín; đảm bảo vệ sinh môi trường, không xả thải trực tiếp xuống ao của gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị N trình bày:

Diện tích ao tại thửa số 59, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B vợ chồng chị mua lâu dài từ năm 2004 và có xác nhận của UBND xã T thời điểm đó cụ thể là ông Đỗ Quang M - Phó Chủ tịch xã và ban lãnh đạo thôn khi đó gồm ông Nguyễn Khắc Đ - Trưởng thôn, bí thư thôn là ông Nguyễn Văn T, thư ký là ông Nguyễn Văn D, mặt trận thôn là ông Trần Văn C và đại diện chủ hộ là ông Tăng Văn Đ. Hiện nay vợ chồng chị và bà Tăng Thị H (chị gái của chồng chị) đang quản lý, sử dụng diện tích ao trên. Tuy nhiên, mấy năm nay diện tích ao của gia đình chị bị ô nhiễm nặng do việc người dân trong ngõ xả thải xuống, bản thân bà H cũng đang phải điều trị bệnh ung thư vì sự ô nhiễm này. Thời gian đầu chị không đồng ý cho các hộ dân của ngõ C thoát nước thải xuống ao của gia đình tuy nhiên thời điểm này vì tình cảm hàng xóm, chị đồng ý cho nước thải của ngõ C chảy xuống ao với điều kiện phải làm cống, rãnh chứ không đổ trực tiếp xuống ao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tăng Văn Đ:

Theo Biên bản làm việc ngày 28/6/2018 với Trưởng thôn V, xã T, thành phố B thể hiện: Tòa án đã đến gia đình anh Tăng Văn Đ tại địa chỉ: ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B để lấy lời khai của anh về việc các đồng nguyên đơn đề nghị được thoát nước thải xuống diện tích ao mà gia đình anh đang quản lý, sử dụng với sự chứng kiến của ông Phạm Văn M - Trưởng thôn V. Tuy nhiên, do anh Đ thường xuyên uống rượu và tại thời điểm Tòa án đến làm việc anh Đ cũng đang trong tình trạng say rượu nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Đ.

Người làm chứng ông Trần Thanh H, chức vụ: Nguyên cán bộ địa chính xã T cung cấp:

Năm 2001 xã T mới được đo đạc bản đồ địa chính. Sau khi lập xong bản đồ, UBND huyện Y đã chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Các hộ dân ở ngõ C (đang có đơn khởi kiện tại Tòa án) cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đo đạc tại bản đồ địa chính năm 2001. Từ trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, các hộ dân này vẫn có một ngõ đi chung và bên cạnh ngõ đi có một rãnh thoát nước chung cho các hộ. Chiều dài của ngõ được nối từ mặt đê bao đến cổng nhà ông Q, có chiều dài khoảng 200m.

Năm 2001, hộ gia đình ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 99, tờ bản đồ số 12 với diện tích 498,1 m². Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cả trong quá trình hộ gia đình ông Q kê khai, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các hộ trên không ai có ý kiến hay khiếu nại gì.

Từ năm 2011 trở về trước thì nước thải của các hộ trên vẫn chảy qua đất của gia đình ông Q. Từ năm 2011 đến nay gia đình ông Q xây tường bao xung quanh đất dẫn đến nước thải của các hộ trong ngõ không có chỗ thoát và xảy ra tranh

chấp. Việc tranh chấp này UBND xã T đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Phạm Văn M, chức vụ: Trưởng thôn V, xã T, thành phố B cung cấp:

Trước năm 1980, ở ngõ C vẫn có một lỗng để đi ra ruộng, trước khi ra ruộng có qua ao của nhà cụ Nguyễn Văn K (bố đẻ ông Nguyễn Ngọc Q). Huyện Y thời điểm đó có bản đồ xanh thể hiện hiện trạng của thôn V trong đó có sự tồn tại của ngõ đi chung và lỗng nước chảy này. Đến khi ông Nguyễn Văn T (em trai ông Nguyễn Ngọc Q) và ông Q xảy ra mâu thuẫn vào khoảng năm 2014, ông T bán đất cho ông Tăng Văn T thì đường thoát nước của ngõ lúc này bị chặn lại.

Các hộ dân ở ngõ C trước kia vẫn thoát nước thải qua lỗng rồi chảy xuống ao của nhà cụ K mà hiện tại là phần đất vườn sau nhà ông Q.

Việc hiện nay các hộ dân ngõ C yêu cầu được thoát nước thải qua đất vườn của nhà ông Q rồi xuống ao nhà bà H là phương án tối ưu nhất, cũng là đường thoát nước duy nhất của các hộ. Ngoài ra, không còn đường thoát nước nào khác.

Việc ông Q cho rằng các hộ dân ngõ C có thể làm đường thoát nước ngược lên qua đê xuống ngõ B xuống ao V là không hợp lý vì như vậy đường rãnh thoát nước rất dài và không thể chảy ngược từ thấp lên cao được.

Người làm chứng ông Nguyễn Khắc Đ, chức vụ: Nguyên trưởng thôn V trình bày:

Từ xa xưa nguồn gốc các ao ở thôn V là của các cá nhân. Sau đó khi vào hợp tác xã thì các cá nhân đưa ao vào hợp tác xã đến khi hợp tác xã giải thể thì ao thuộc quyền quản lý của thôn, việc quản lý này không có văn bản của xã hay của huyện. Đến năm 2004, chính quyền thôn có họp và thống nhất sẽ bán lâu dài diện tích ao của thôn cho các hộ gia đình để lấy kinh phí xây dựng nhà trẻ cho thôn. Việc này được ghi lại trong nghị quyết của thôn và các đoàn thể. Sau khi có nghị quyết này thì thôn có tổ chức họp toàn dân để lấy ý kiến, sau khi được sự nhất trí của dân thì thôn có làm biên bản để xin ý kiến của xã. Và xã đã nhất trí với chính sách trên của thôn, giao cho thôn trực tiếp làm thủ tục mua bán ao với các hộ dân.

Về chủ trương của thôn là bán ao liền kề với đất cho các hộ dân với mức giá 5.000.000đồng/sào. Đại diện chính quyền thôn và xã là những người trực tiếp tham gia giao dịch mua bán với các hộ dân do đại diện hộ gia đình ra ký kết (không nhất thiết phải chủ hộ). Văn bản thể hiện việc mua bán ao giữa hộ gia đình và thôn chỉ có biên bản bàn giao ao. Lúc đó tiền mua bán ao do kế toán và thủ quỹ của thôn thu và viết phiếu thu có xác nhận của trưởng thôn. Sau đó thủ quỹ thôn thay mặt thôn giữ tiền mua bán ao của dân.

Mục đích giao ao là để cho các hộ dân nuôi trồng thủy sản, giữ ao để có nguồn nước cho thôn. Tuy nhiên thời điểm đó, chính quyền thôn không nghĩ được việc khi bán diện tích ao này cho các hộ dân thì hệ thống nước thải của các ngõ sẽ xử lý ra sao.

Lịch sử từ trước đến nay thì thôn V có 7 ngõ, các ngõ đều có hệ thống thoát nước thải về ao ở cuối ngõ. Sau khi nước thải chảy xuống ao ở cuối ngõ khi trời mưa to mới chảy ra ruộng rồi mới chảy ra mương của thôn, nếu trời không mưa to thì nước thải vẫn đọng ở ao. Cũng có một số ao thì nằm liền kề mương và không phải chảy qua ruộng nữa.

Diện tích ao mà hiện nay ông Nguyễn Ngọc Quý đã lấp trước kia nguồn gốc là ao thâu của thôn, thôn thu tiền hàng năm để lấy quỹ hoạt động cho Hội cựu chiến binh. Hiện nay, diện tích ao này là do xã quản lý. Theo quan điểm của ông thì ông Nguyễn Ngọc Q phải có trách nhiệm trả lại đường thoát nước thải cho các hộ dân ngõ C. Diện tích ao của nhà ông Q bây giờ không được thôn bán lâu dài như các hộ khác (nhà bà Huynh) nên ông Q không có quyền lấp đất làm mất đường thoát nước của ngõ.

Người làm chứng ông Nguyễn Tiến M, chức vụ: Nguyên trưởng thôn V cung cấp:

Ông được bổ nhiệm giữ chức Trưởng thôn V từ cuối năm 2009 đến năm 2014. Ngày 16/3/2013, ông có soạn thảo Giấy chứng nhận chuyển đổi ruộng canh tác với nội dung: căn cứ trên nghị quyết nhân dân và nghị quyết chi bộ, thôn chuyển đổi ruộng canh tác của gia đình nhà ông Nguyễn Ngọc Q ở xứ đồng Đ cạnh nghĩa trang nhân dân của thôn để làm đường đi vào nghĩa trang. Cụ thể: diện tích ruộng gốc của nhà ông Q là 16 thước = 01 sào và 01 thước trong đó 01 sào = 360 m^2 , 01 thước = 24 m^2 . Ông Q đổi diện tích ruộng nói trên ở xứ đồng Đ lấy 10 thước ao đầu thâu gần nhà (ao liền kề với đất ở nhà ông Q hiện nay) + 03 thước tại nghĩa trang nhân dân + 15 thước ao đầu thâu của hội nông dân (ao này cách xa ao đầu thâu gần nhà ông Q).

Về giá trị quy đổi ruộng: 16 thước ruộng mà ông Q đổi cho thôn thì thuộc quyền quản lý, sử dụng của thôn. Đối với diện tích ruộng ở các vị trí thôn đã thỏa thuận đổi cho nhà ông Q thì trường hợp nhà nước thu hồi thì nhà ông Q được đền bù đối với diện tích này như trường hợp đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của nhà ông Q.

Về nguyên tắc thì ông Q hoặc chính quyền thôn phải làm đơn yêu cầu chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của gia đình ông Q đối với 16 thước ruộng ở xứ đồng Đ. Nhưng thực tế thôn không làm và cá nhân ông Q có làm thủ tục chỉnh lý này hay không thì thôn không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn có đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang có tranh chấp. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/11/2017 đối với rãnh thoát nước ngõ C, cho thấy:

- Hiện nay trên diện tích rãnh thoát nước đang có tranh chấp vẫn tồn tại 02 đoạn tường bao do gia đình bị đơn (ông Nguyễn Ngọc Q) xây dựng với số đo cụ thể là: diện tích tường rào xây 220mm là 16,2 m² và diện tích tường rào xây 110mm là 18,6 m², với tổng giá trị là 8.680.000 đồng.

- Diện tích rãnh thoát nước có tranh chấp là 9,29 m² với giá trị là 4.189.000 đồng.

- Các thành viên của Hội đồng và những người tham gia phiên xem xét, thẩm định tại chỗ đều cho rằng: rãnh thoát nước thải của ngõ C với diện tích (chiều dài, chiều rộng) và đường nước chảy (điểm đầu là cổng nhà ông Q, chạy dọc theo chiều dài đất nhà ông Q tiếp giáp đất nhà ông T, điểm cuối là ao nhà bà H) theo yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là đường thoát nước duy nhất và phù hợp nhất với thực tế tại ngõ C hiện nay.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án đã thông báo kết quả cho các đương sự không ai có ý kiến gì.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn về quyền thoát nước qua bất động sản liền kề với ông Nguyễn Ngọc Q.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm: Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Tăng Văn N, Giáp Văn M, Tăng Văn C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải dành một lối thoát nước với diện tích 9,29 m² (có giá trị 4.189.000 đồng) nằm trong diện tích 498,1 m² thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 ngày 10/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Q. Lối thoát nước có số đo từng đoạn là: AB = 3,7m; BC = 0,3m; CD = 3,4m; DE = 13m; EF = 9,15m; FG = 5,4m; GH = 0,3m; HI = 5,4m; IJ = 8,85m; JA = 13m. Điểm đầu của lối thoát nước từ cổng nhà ông Q, chạy dọc theo phần đất giáp ranh giữa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên

anh Tăng Văn T, điểm cuối là ao tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị H và vợ chồng chị Trần Thị N, anh Tăng Văn Đ đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng (có Sơ đồ lối thoát nước kèm theo).

Cống thoát nước có đường kính tối thiểu ($D_{\min}$) từ 150 mm đến 200 mm.

Việc lắp đặt đường thoát nước này phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu (hộ ông Nguyễn Ngọc Q) bất động sản có nước chảy qua. Trường hợp gây ra thiệt hại thì các ông: Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Tăng Văn N, Giáp Văn M, Tăng Văn C phải bồi thường cho hộ ông Nguyễn Ngọc Q.

3. Về chi phí tố tụng: Các ông Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Tăng Văn N, Giáp Văn M, Tăng Văn C, Nguyễn Văn T chịu 4.800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận các ông Tăng Văn T, Trần Văn Đ, Tăng Văn N, Giáp Văn M, Tăng Văn C, Nguyễn Văn T đã thực hiện xong nghĩa vụ này theo Biên bản giao nhận ngày 20/4/2015 và Biên bản giao nhận ngày 15/11/2017.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Tăng Văn T số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001311 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Hoàn trả ông Tăng Văn C số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001315 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Hoàn trả ông Giáp Văn M số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001312 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Hoàn trả ông Tăng Văn N số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001313 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Hoàn trả ông Trần Văn Đ số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/003700 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Hoàn trả ông Nguyễn Văn T số tiền 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001314 ngày 15/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 21/8/2018 ông Nguyễn Ngọc Q kháng cáo toàn bộ bản án nói trên, cùng ngày Tòa án nhân dân thành phố B có thông báo số 46/TB-TA về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Q, ông Q kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hủy toàn bộ bản án nói trên. Lý do bản án sơ thẩm không đưa ra được lý do nào chứng minh đường thoát nước đã tồn tại chảy qua đất nhà ông, năm 2001 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các hộ trên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn là ông C, ông T, anh N, bà T đại diện ủy quyền cho ông Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Ngọc Q trình bày: Ông không đồng ý bản án sơ thẩm. Không có rãnh thoát nước nào chảy qua nhà ông từ khi ông sinh ra và lớn lên đến hiện tại, nước của các hộ trong ngõ C đổ ra thửa 98 của nhà ông T và tràn xuống ruộng sau đó chảy ra ao, ông T là người lấp rãnh nước ngay cổng nhà ông, sau đó lại khởi kiện ông. Từ bản đồ xanh năm 1978 đến nay không thể hiện có rãnh thoát nước. Gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 không thể hiện có rãnh thoát nước. Đất của ông T hiện nay đã chuyển nhượng cho ông T và cấp giấy chứng nhận mang tên anh T con ông T. Ông đề nghị xem xét giải quyết theo đúng pháp luật. Hiện nay trên đất mà bản án buộc ông dành lối thoát nước cho các hộ khởi kiện ông có xây tường gạch cao khoảng 1,6m, nếu làm đường thoát nước sẽ ảnh hưởng đến công trình nhà ông.

Các đồng nguyên đơn là ông C, ông T, anh N, bà T đại diện ủy quyền cho ông Đ trình bày: Các ông, bà không đồng ý kháng cáo của ông Q, ông Q trình bày không đúng, rãnh thoát nước có từ năm 1945, nước thải của ngõ C đều thoát ra cuối ngõ và chảy ra ao. Ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không ai biết. Các ông, bà đề nghị ông Q tháo dỡ tường xây để trả lại rãnh thoát nước cho các hộ ở ngõ C.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh nhất trí trình bày của ông Q đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Bà Tăng Thị H trình bày: Trước đây bà đồng ý để ngõ C thoát nước thải ra ao nhà bà nhưng đến nay do ao nhà bà bị ô nhiễm, bản thân bà đang điều trị bệnh nên bà không nhất trí cho các hộ ở ngõ C thoát nước chảy ra ao nhà bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn là ông T, ông M vắng mặt, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành pháp luật; đại diện theo ủy quyền của UBND xã T, UBND thành phố B, UBND huyện Y đã có đơn xin xử vắng mặt chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, ông Giáp Văn M vắng mặt, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh N, anh L, chị L, anh T, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt; đại diện theo ủy quyền của UBND xã T là bà Nguyễn Thị T, UBND thành phố B là ông Nguyễn Văn H, UBND huyện Y bà Phòng Thị N đã có đơn xin xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Q. Hội đồng xét xử thấy: Theo đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn là ông Trần Văn Đ, ông Giáp Văn M, ông Nguyễn Văn T, anh Tăng Văn N, ông Tăng Văn C, ông Tăng Văn T khởi kiện buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải trả lại rãnh thoát nước có chiều rộng 30cm và chiều dài 30m chạy dọc đất ông Q cho 6 hộ thuộc ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã mở các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đồng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/7/2018 và phiên tòa tạm ngừng đến ngày 2/8/2018 mở lại phiên tòa thì các đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Q phải mở một rãnh thoát nước có diện tích khoảng 9m² chiều rộng 30cm và chiều dài 30m điểm bắt đầu của rãnh thoát nước là cổng nhà ông Q sau đó chạy dọc hết phần đất nhà ông Q giáp đất ông T nay là anh T và điểm kết thúc là ao bà H và không đồng ý trả tiền cho ông Q. Việc thay đổi hoàn toàn nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu này nhưng Tòa sơ thẩm không xem xét việc thay đổi này có vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu không? Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn nhưng không thu thập chứng cứ để xem xét ngoài lối thoát nước này còn lối thoát nước nào khác không và đây có phải là lối thoát nước

duy nhất hay không? đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn buộc ông Q phải dành lối thoát nước làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q và gia đình ông Q. Ông T là nguyên đơn trong vụ án mua lại diện tích đất thửa 98 của nhà ông T giáp với đất của gia đình ông Q.

Theo biên bản thẩm định ngày 27/11/2017 (bút lục 262 đến 266) và các bản ảnh do gia đình ông Q cung cấp tại cấp phúc thẩm thì sát tường nhà ông Q, gia đình ông T đã mở một rãnh thoát nước rộng khoảng 10cm và xây cao khoảng 50cm, sau khi ông T mua đất của ông T, ông T có sửa chữa lại để nước của ngõ thoát theo rãnh đến cuối tường nhà ông Q thì nước tắc ở đó. Hiện tại nhà ông Q là ở cuối ngõ nhưng hiện nay nhà ông không đi ngõ C nữa mà đi lối khác. Tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận có rãnh thoát nước do ông T bán đất cho ông làm và ông có sửa để nước nhà ông thoát theo đường này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm buộc ông Q phải dành lối thoát nước qua bất động sản liền kề cho các hộ trong ngõ C theo quy định tại Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2005. Diện tích dành lối thoát nước này nằm trong diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không xem xét các đồng nguyên đơn có phải trả tiền cho ông Q hay không? là giải quyết không đảm bảo quyền lợi cho ông Q và gia đình ông Q.

Theo quyết định của bản án sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải dành một lối thoát nước với diện tích $9,29m^2$ (có giá trị 4.189.000 đồng) nằm trong diện tích 498,1 m^2 của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 ngày 10/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Q. Lối thoát nước có số đo từng đoạn theo từng đoạn và có sơ đồ kèm theo. Nhưng không thể hiện có tài sản trên đất vì theo biên bản thẩm định ngày 27/11/2017 kèm theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng và các bản ảnh ông Q xuất trình tại cấp phúc thẩm và trình bày của các đồng nguyên đơn thì ông Q phải dành một lối thoát nước nhưng không biết lối thoát nước này cách bức tường là bao nhiêu? Tiếp theo hết bức tường dài nhà ông Q thì từ điểm E đến A theo sơ đồ kèm theo bản án có tường nhà ông T (hiện tại) xây dài khoảng 13m. Bên cạnh là bức tường đồ nhà ông Q. Ông Q cho rằng nếu quyết định như bản án thì sẽ ảnh hưởng công trình trên đất nhà ông là bức tường dài khoảng 14m, cao 1,6m. Bức tường này ông Q xây năm 2013 trước khi các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông. Móng của bức tường rộng 30cm sâu khoảng 50cm và xây giắt cấp tường 20cm sau đó là tường 10cm. Quyết định như vậy, gây khó khăn cho việc thi hành bản án và ảnh hưởng đến công trình cũng như quyền và lợi ích của gia đình ông Q.

Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là không đúng.

Từ nhận định, phân tích trên. Hội đồng xét xử thấy: Tòa cấp sơ thẩm không xem xét kỹ yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của các đồng nguyên đơn, quyết định bản án không rõ ràng gây khó khăn cho việc thi hành bản án, thu thập chứng cứ không đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được nên căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Q. Hủy bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên án phí và các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- Ông Nguyễn Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Q.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DSST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang về việc tranh chấp về quyền cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề giữa: Nguyên đơn là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, anh Giáp Văn M, sinh năm 1970, anh Tăng Văn N, sinh năm 1975; ông Tăng Văn C, sinh năm 1956, ông Tăng Văn T, sinh năm 1962 và bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1952 cùng địa chỉ: Ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B,
- CCTHA dân sự thành phố B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương Phạm Thị Minh Hiền

Hoàng Thị Thu Hiền

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Quý; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Nguyễn Bá Ngọc; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Năm, anh Nguyễn Văn Toàn, anh Nguyễn Văn Luyện, chị Nguyễn Thị Luyện, bà Tăng Thị Huynh, chị Trần Thị Nhường, anh Tăng Văn Đoán đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng nguyên đơn gồm: ông Giáp Văn Mót, ông Nguyễn Văn Tước, ông Nguyễn Văn Tước, anh Tăng Văn Nam; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tăng Văn Thắng; đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: UBND thành phố B, UBND huyện Y, UBND xã T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2.2] Tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc ông Q phải mở lối thoát nước cho các hộ dân trong ngõ. Về diện tích, chiều dài, chiều rộng, điểm bắt đầu, hướng đi và điểm cuối của rãnh thoát nước vẫn giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện ban đầu. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Các thửa đất mà các đồng nguyên đơn và bị đơn đang sinh sống tại ngõ C, thôn V, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang đều đã được UBND huyện Y, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ trước cho đến nay, theo vị trí tự nhiên thì việc thoát nước thải của các đồng nguyên đơn bắt buộc phải đi qua phần đất của gia đình bị đơn nhưng bị đơn không đồng ý cho các đồng nguyên đơn làm đường thoát nước nên họ đã khởi kiện bị đơn ra Tòa án. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề*” được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Q:

Các đồng nguyên đơn gồm: ông Tăng Văn Thông, ông Giáp Văn Mót, ông Trần Văn Đường, anh Tăng Văn Nam, ông Tăng Văn Cót là các hộ dân sinh sống trong ngõ C, thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ngõ C nằm ở vị trí tiếp giáp và thấp hơn mặt đê bao khoảng 02m. Tại ngõ C hiện nay vẫn tồn tại một ngõ đi chung nối liền từ mặt đê bao đến cổng nhà ông Nguyễn Ngọc Quý. Bên cạnh ngõ đi chung này có một rãnh thoát nước chạy dọc theo ngõ đến cổng nhà ông Q. Rãnh thoát nước này là nơi duy nhất mà các hộ dân trong ngõ có thể sử dụng để thoát nước thải sinh hoạt của gia đình.

Thửa đất số 99 mà ông Nguyễn Ngọc Quý và gia đình đang sinh sống nằm ở vị trí cuối cùng của ngõ. Điều này được thể hiện rõ trong tờ bản đồ địa chính số 12, thôn V, xã T, huyện Y do đạc năm 2001 và tờ bản đồ số 12, thôn V, xã T, thành phố B do đạc chỉnh lý năm 2013.

Các thửa đất mà các đồng nguyên đơn cũng như gia đình ông Nguyễn Ngọc Quý đang sinh sống đều đã được UBND huyện Y và UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đồng nguyên đơn đều giữ nguyên quan điểm và trình bày: Từ trước đến nay, các hộ dân sinh sống tại ngõ C cũng như các hộ dân sinh sống tại các ngõ còn lại của thôn V đều thoát nước thải sinh hoạt qua hệ thống rãnh thoát nước chung bên cạnh ngõ đi và chạy dài từ đầu ngõ đến điểm cuối là ao ở vị trí cuối ngõ. Trước kia khi nhà ông Q chưa san lấp đất vào diện tích ao sau nhà ông Q thì nước thải của các hộ dân trong ngõ C vẫn chảy xuống phần diện tích ao này. Nhưng từ năm 2014 đến nay, phần diện tích ao nói trên đã bị ông Q lấp đất làm vườn. Trình bày nêu trên của các đồng nguyên đơn hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của các ông Nguyễn Khắc Điệp, ông Phạm Văn May là trưởng thôn V qua các thời kỳ; phù hợp với lời khai của ông Trần Thanh Hồng – nguyên cán bộ địa chính xã T và phù hợp với lời khai của bà Tăng Thị Huỳnh là người dân sinh sống tại ngõ Cống Đầm (ngõ nằm sát cạnh ngõ C).

Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2017; văn bản trình bày quan điểm của UBND xã T; lời khai của ông Phạm Văn May - Trưởng thôn hiện tại của thôn V thấy rằng: Việc các hộ dân sinh sống tại ngõ C chỉ có đường thoát nước duy nhất và phù hợp nhất là qua hệ thống thoát nước được tiếp nối với phần rãnh thoát nước hiện có bên cạnh ngõ đi chung với chiều dài khoảng 30m, chiều rộng 30cm, điểm đầu là cổng nhà ông Nguyễn Ngọc Quý, chạy dọc theo phần đất ở của nhà ông Q tiếp giáp với phần đất ở tại thửa số 98 trước kia của nhà ông Nguyễn Ngọc Tước và nay là của anh Tăng Văn Thăng (con trai ông Tăng Văn Thông), điểm cuối là ao của xã tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị Huỳnh và

vợ chồng chị Trần Thị Nhường, anh Tăng Văn Đoán đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng.

Hơn nữa, trên thực tế hiện nay thì các thửa đất mà các hộ dân (các đồng nguyên đơn) đang sinh sống tại ngõ C có vị trí tự nhiên như sau: phía trên (đầu ngõ) là bờ đê bao, phía cuối ngõ là thửa đất mà hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Quý đang sinh sống, việc thoát nước thải của các hộ dân này bắt buộc phải đi qua thửa đất của gia đình ông Q mới thoát được ra hệ thống ao của thôn do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 277 Bộ luật dân sự 2005, ông Q phải dành một lối thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2017 thì:

-Lối thoát nước trên có số đo từng đoạn cụ thể như sau:

AB = 3,7m; BC = 0,3m; CD = 3,4m; DE = 13m; EF = 9,15m; FG = 5,4m; GH = 0,3m; HI = 5,4m; IJ = 8,85m; JA = 13m.

- Diện tích lối thoát nước được tính như sau:

$$S = 3,7m \times 0,3m + 13m \times 0,3m + 8,85m \times 0,3m + 5,4m \times 0,3m = 9,29 \text{ m}^2$$

- Diện tích lối thoát nước này có giá tính theo quy định của UBND tỉnh Bắc Giang là: $9,29 \text{ m}^2 \times 450.000 \text{ đồng/m}^2 = 4.189.000 \text{ đồng}$.

Theo quy định về nhu cầu cấp nước sinh hoạt tại đô thị loại II (thành phố B hiện đang là đô thị loại II) tại bảng 5.2 mục 2.1.1 điều 2.1 Chương V của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng năm 2008 thì tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt của một người dân là từ 120 đến 150 lít/người/ngày đêm.

Theo quy định về thu gom nước thải tại mục 1 Chương VI của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng năm 2008 thì việc thu gom nước thải sinh hoạt phải đạt $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt.

Như vậy tiêu chuẩn thu gom nước thải sinh hoạt ở đô thị loại II - thành phố B là từ 96 đến 120 lít/người/ngày đêm.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án là sổ hộ khẩu gia đình và trình bày tại phiên tòa của các đồng nguyên đơn thì hiện nay tổng số người đang sinh sống tại ngõ C là: 33 người.

Như vậy nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình tại ngõ C là: $33 \times 120 \text{ lít/người/ngày đêm} = 3960 \text{ lít} = 3,960 \text{ m}^3$.

Theo Công văn số 74/QLĐT ngày 30/7/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố B thì với nhu cầu thoát nước chung như đã nêu trên của các hộ dân ngõ C và để đảm bảo vệ sinh môi trường thì các hộ dân cần lắp đặt cống thoát nước có đường kính tối thiểu ($D_{\min}$) từ 150 mm đến 200 mm.

Do vậy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm: ông Tăng Văn Thông, ông Giáp Văn Mót, ông Trần Văn Đường, anh Tăng Văn Nam, ông Tăng Văn Cót và buộc ông Nguyễn Ngọc Quý phải dành cho các đồng nguyên đơn diện tích $9,29\text{m}^2$ nằm trong diện tích $498,1\text{m}^2$ của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 ngày 10/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Quý để mở lối thoát nước; lối thoát nước có chiều rộng 30cm, chiều dài khoảng 30m, với số đo từng đoạn là: $AB = 3,7\text{m}$; $BC = 0,3\text{m}$; $CD = 3,4\text{m}$; $DE = 13\text{m}$; $EF = 9,15\text{m}$; $FG = 5,4\text{m}$; $GH = 0,3\text{m}$; $HI = 5,4\text{m}$; $IJ = 8,85\text{m}$; $JA = 13\text{m}$. Điểm đầu lối thoát nước là từ cổng nhà ông Q, chạy dọc theo phần giáp ranh giữa thửa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên anh Tăng Văn Thắng và điểm cuối là ao tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị Huynh và vợ chồng chị Trần Thị Nhưồng, anh Tăng Văn Đoán đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định tại Điều 277 Bộ luật dân sự 2005; phù hợp với thực tế thoát nước thải tại thôn V cũng như vị trí tự nhiên của ngõ C là có căn cứ.

Tuy nhiên, việc lắp đặt cống thoát nước phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu (hộ ông Nguyễn Ngọc Quý) bất động sản có nước chảy qua. Trường hợp gây ra thiệt hại thì các đồng nguyên đơn phải bồi thường cho hộ ông Nguyễn Ngọc Quý.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ.....

Căn cứ khoản 14 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tước về quyền thoát nước qua bất động sản liền kề với ông Nguyễn Ngọc Quý.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm: Tăng Văn Thông, Trần Văn Đường, Tăng Văn Nam, Giáp Văn Mót, Tăng Văn Cót.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Quý phải dành một lối thoát nước với diện tích $9,29\text{m}^2$ (có giá trị 4.189.000 đồng) nằm trong diện tích $498,1\text{m}^2$ của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W066161 ngày 10/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Ngọc Quý. Lối thoát nước có số đo từng đoạn là: AB = 3,7m; BC = 0,3m; CD = 3,4m; DE = 13m; EF = 9,15m; FG = 5,4m; GH = 0,3m; HI = 5,4m; IJ = 8,85m; JA = 13m. Điểm đầu của lối thoát nước từ cổng nhà ông Q, chạy dọc theo phần đất giáp ranh giữa đất nhà ông Q với thửa đất số 98 hiện nay mang tên anh Tăng Văn Thắng, điểm cuối là ao tại thửa số 59 đang do bà Tăng Thị Huỳnh và vợ chồng chị Trần Thị Nhường, anh Tăng Văn Đoán đầu thầu lâu dài và quản lý, sử dụng (có Sơ đồ lối thoát nước kèm theo).

Công thoát nước có đường kính tối thiểu ($D_{\min}$) từ 150 mm đến 200 mm.

Việc lắp đặt đường thoát nước này phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu (hộ ông Nguyễn Ngọc Quý) bất động sản có nước chảy qua. Trường hợp gây ra thiệt hại thì các ông: Tăng Văn Thông, Trần Văn Đường, Tăng Văn Nam, Giáp Văn Mót, Tăng Văn Cót phải bồi thường cho hộ ông Nguyễn Ngọc Quý.

3. Về chi phí tố tụng: Các ông Tăng Văn Thông, Trần Văn Đường, Tăng Văn Nam, Giáp Văn Mót, Tăng Văn Cót, Nguyễn Văn Tước chịu 4.800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận các ông Tăng Văn Thông, Trần Văn Đường, Tăng Văn Nam, Giáp Văn Mót, Tăng Văn Cót, Nguyễn Văn Tước đã thực hiện xong nghĩa vụ này theo Biên bản giao nhận ngày 20/4/2015 và Biên bản giao nhận ngày 15/11/2017.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc Quý được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND TP Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP Bắc Giang,
- Các đương sự,
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

